

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 28/5/2021  
Về việc: Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC – TỈNH KIÊN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Ngân***

***Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Tấn Đầu***

***2. Ông Đinh Quang Tuyển***

***Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Chung – Thư ký Tòa án thành phố Phú Quốc.***

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc: Bà Đặng Mỹ Phương – Kiểm sát viên.***

Trong ngày 28 tháng 5 N 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 237/2020/TLST-HNGĐ, ngày 13/8/2020, về: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/QĐST-HNGĐ ngày 11/5/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung Đ, sinh N: 1958

Địa chỉ: tổ 4, ấp A, xã B, huyện P Q, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh N 1963

Địa chỉ: tổ 4, ấp A, xã B, huyện P Q, tỉnh Kiên Giang.

***(ông Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, bà N vắng mặt)***

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn xin ly hôn ngày 08 tháng 5 N 2020, tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Trung Đ trình bày: ông Đ và bà Nguyễn Thị N tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào N 1985 và nhưng không có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Vợ chồng có với nhau ba người con chung tên Nguyễn Tuấn A, sinh N 1985, Nguyễn Anh Ph, sinh N 1988 và Nguyễn Thị Ngọc M, sinh N 1993.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan

điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau; vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xúc phạm đến cha mẹ của gia đình hai bên và từ N 2019 đến nay hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau, tuy còn ở chung nhà nhưng không ai quan tâm tới cuộc sống của nhau. Nay ông Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc và xét mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng gia đình thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, ông Đ không còn thương yêu bà N nữa nên yêu cầu được ly hôn với bà N.

Về con chung: Ba người con chung Nguyễn Tuấn A, sinh N 1985, Nguyễn Anh Ph, sinh N 1988 và Nguyễn Thị Ngọc M, sinh N 1993 đều đã trưởng thành (trên 18 tuổi) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Công nợ chung: Vợ chồng ông Đ và bà N có ký 03 hợp đồng tín dụng để vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Phú Quốc, dư nợ tính đến ngày 22/02/2021 là 761.688.000 đồng. Tuy nhiên giữa vợ chồng ông Đ và phía Ngân hàng đã tự thỏa thuận về việc thực hiện hợp đồng và cách thức trả nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn bà Nguyễn Thị N được Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Do đó, Tòa án không thể tiến hành ghi lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải được, Tòa tiến hành lập biên bản không hoà giải và không công khai chứng cứ được.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng A có đơn từ chối tham gia tố tụng và yêu cầu giải quyết vắng mặt, đồng thời có ý kiến ông Nguyễn Trung Đ và bà Nguyễn Thị N có ký 03 hợp đồng tín dụng để vay của Ngân hàng A – Chi nhánh B (gồm: hợp đồng số 202025748526 ngày 27/10/2020 vay số tiền 500.000.000 đồng; hợp đồng số LD1626500564 ngày 29/9/2016 vay số tiền 300.000.000 đồng; hợp đồng số LD1816200065 ngày 14/6/2018 vay số tiền 300.000.000 đồng), dư nợ tính đến ngày 22/02/2021 là 761.688.000 đồng, tuy nhiên phía Ngân hàng không tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này, khi khách hàng là ông Đ và bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho phía Ngân hàng thì Ngân hàng A sẽ khởi kiện độc lập ông Đ và bà N trong vụ án khác

\* Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đến thời điểm này đều đảm bảo đúng pháp luật. Về thời hạn thụ lý vụ án và thời hạn chuẩn bị xét xử đã vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 195 và điểm a khoản 1 Điều 203 BLTTDS N 2015. Tuy nhiên, việc vi phạm thời hạn thụ lý và thời hạn chuẩn bị xét xử không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết nội dung vụ án nhưng cần rút kinh nghiệm chung.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trung Đ.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Trung Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy việc đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp quy định pháp luật, căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự N 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt nguyên đơn ông Nguyễn Trung Đ.

Bà Nguyễn Thị N (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt liên tục không có lý do chính đáng của bị đơn nhằm gây khó khăn cho nguyên đơn, kéo dài việc giải quyết vụ án. Sau khi làm đầy đủ thủ tục tố tụng, căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự N 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trung Đ và bà Nguyễn Thị N không có đăng ký kết hôn nhưng chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ N 1985, trước ngày luật hôn nhân và gia đình N 1986 có hiệu lực pháp luật nên được coi là hôn nhân thực tế được pháp luật thừa nhận theo Nghị quyết.số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, Điều 131 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình N 2014.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Trung Đ xác định: Khả năng đoàn tụ không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông Đ giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà N. Đồng thời qua xác minh tại địa phương nơi cư trú của vợ chồng ông Đ và bà N thì việc mâu thuẫn vợ chồng là có thật, vợ chồng ông Đ đã bất hòa với nhau từ nhiều N nay. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình N 2014, Hội đồng xét xử nghị cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Trung Đ đối với bà Nguyễn Thị N.

[3] Về con chung: Ba người con chung Nguyễn Tuấn A, sinh N 1985, Nguyễn Anh Ph, sinh N 1988 và Nguyễn Thị Ngọc M, sinh N 1993 đều đã trưởng thành (trên 18 tuổi) ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX miễn xét.

[4] Về tài sản chung: Ông Đ xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX miễn xét.

[5] Về công nợ chung: Ông Đ xác nhận hiện chỉ còn nợ Ngân hàng A và ông là người chịu trách nhiệm về khoản nợ này; đại diện Ngân hàng đã từ chối tham gia tố tụng và không yêu cầu gì. Vì hiện tại ông Đ vẫn là người trực tiếp thanh toán tiền hàng tháng với Ngân hàng. Do các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX miễn xét

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Trung Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự N 2015.

- Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 131 Luật hôn nhân và gia đình N 2014;

- Nghị quyết.số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội;

- Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trung Đ được ly hôn bà Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Hai người con chung Nguyễn Tuấn A, sinh N 1985, Nguyễn Anh Ph, sinh N 1988 và Nguyễn Thị Ngọc M, sinh N 1993 đều đã trưởng thành (trên 18 tuổi) không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX miễn xét.

3. Về tài sản chung: Ông Đ xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX miễn xét.

4. Về công nợ chung: Các bên xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX miễn xét.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Trung Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc), theo lai thu số 0002887 ngày 21/7/2020, ông Đ không phải nộp thêm.

Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết tại địa phương nơi cư trú theo luật định để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS thành phố Phú Quốc;
- THA thành phố Phú Quốc;
- UBND xã Gành Dầu, thành phố Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Võ Kim Ngân**